

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đắc Hân

2. Ông Doãn Văn Sáng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; địa chỉ: Số 89 L, pH L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Quang H – Chức vụ: Cán bộ Xử lý nợ Ngân hàng TMCP V (Giấy ủy quyền số 8570/2019/UQ-VPB ngày 24 tháng 10 năm 2019); có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị H; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn T và vợ bà Trần Thị T; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2019 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Hà Quang H trình bày:

Ngày 20 tháng 12 năm 2016 bà Trần Thị H có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng LD1635501319 tại Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Thăng Long, phòng giao dịch Trung Hòa Nhân Chính để vay tiền, với mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng, T từ ngày giải ngân đầu tiên. Ngày 20/12/2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã phê duyệt cho bà Trần Thị H vay số tiền là 150.000.000 đồng không có tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ gốc và lãi theo tháng. Trong quá trình hiện hợp đồng bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 20/7/2017, T đến ngày 29/11/2019 bà Trần Thị H đã trả cho Ngân hàng VPBank tổng số tiền là 34.497.091 đồng; trong đó gốc đã trả là 10.478.724 đồng, lãi đã trả là 24.018.367 đồng, số tiền phải trả hàng tháng trung bình là 5.436.903 đồng, bà Trần Thị H mới trả được 04 kì không đúng hạn thanh toán theo hợp đồng dẫn đến quá hạn. Đại diện Ngân hàng VPBank đã nhiều lần đôn đốc bà Trần Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà Trần Thị H không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như nội dung hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do bà Trần Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi T đến ngày 29/11/2019 tổng là 291.700.329 đồng, trong đó nợ gốc vay là 139.521.276 đồng, nợ lãi 152.179.053 đồng theo nội dung hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VPBank) theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, song tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/10/2019 và các lời trình bày khác tại Tòa án bà Trần Thị H trình bày:

Vào năm 2016 (ngày, tháng, năm) bà không nhớ bà Trần Thị T (có chồng là ông Nguyễn Văn T (tên tH gọi là Phấn) nhà ở thôn A, xã A, huyện T, thành phố H có quan hệ họ hàng với bà thời điểm đó bà T cần vay tiền Ngân hàng để làm ăn nên đã nhiều lần gặp nói chuyện nhờ bà đứng ra ký hợp đồng tín dụng để vay vốn Ngân hàng. Vì tin tưởng là người nhà họ hàng nên bà H đã đứng ra ký hợp đồng Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng LN1635501319 tại Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Thăng Long, phòng giao dịch Trung Hòa Nhân Chính để vay tiền, với mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng, T từ ngày giải ngân đầu tiên. Ngày 20/12/2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã phê duyệt cho bà Trần Thị H vay số tiền là 150.000.000 đồng không có tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ gốc và lãi theo tháng, ông T là người trực tiếp đưa bà đến chi nhánh Ngân hàng TMCP V tại thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố H để ký kết các Giấy tờ vay vốn nhưng trên thực tế ông Nguyễn Văn T là người trực tiếp nhận tiền vay từ Ngân hàng và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T cũng là người trực tiếp sử dụng toàn bộ khoản vay 150.000.000 đồng nói trên, cụ thể vợ

chồng ông T, bà T sử dụng khoản vay như thế nào bà H không biết và cũng không liên quan gì, sau khi ký hợp đồng tín dụng do vợ chồng ông T, bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đại diện Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại đến tận nhà yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà H đã yêu cầu vợ chồng ông T, bà T phải có trách nhiệm đứng ra thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện quan điểm của bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi cho vợ chồng ông T, bà T vì điều kiện hiện nay vợ chồng ông T, bà T làm ăn khó khăn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T vắng mặt, song tại Bản tự khai ngày 25 tháng 10 năm 2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị H do có quan hệ họ hàng, bà T (vợ ông) cần vay vốn để làm ăn nên có nhờ bà Trần Thị H đứng ra ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Vẽ vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, mục đích vay là vay tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng, sau khi bà H ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì vợ chồng ông là người trực tiếp sử dụng toàn bộ khoản tiền vay, tuy nhiên do điều kiện làm ăn khó khăn mặt khác mức lãi suất mà Ngân hàng cho vay là cao nên vợ chồng ông bà đã không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nay Ngân hàng có đơn khởi kiện quan điểm của vợ chồng ông T là đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ vay cho bà Trần Thị H và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi và tạo điều kiện để vợ chồng ông trả nợ dần tiền gốc còn tH cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Vợ ông bà Trần Thị T vì điều kiện ốm đau bệnh tật nên không đến Tòa án được vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Vbuộc bị đơn bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ tổng số tiền là: là 291.700.329 đồng, trong đó nợ gốc vay là

139.521.276 đồng, nợ lãi 152.179.053 đồng; Kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Trần Thị H và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị H ký Hợp đồng tín dụng số LD1635501319, ngày giải ngân là 20/12/2016 với Ngân hàng TMCP Vmục đích vay là tiêu dùng tín chấp. Vì vậy tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Vvà bà Trần Thị H là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng bị đơn là bà Trần Thị H có nơi cư trú tại Thôn A, xã A, huyện T, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vyêu cầu bà Trần Thị H phải thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ còn nợ tổng số tiền là: là 291.700.329 đồng, trong đó nợ gốc vay là 139.521.276 đồng, nợ lãi 152.179.053 đồng. Bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có quan điểm trình bày không đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Vvì trên thực tế bà H không phải là được sử dụng toàn bộ khoản vay. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T đã có quan điểm trình bày đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và xin miễn toàn bộ tiền lãi theo hợp đồng vì ông T cho rằng lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là quá cao. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP Vkhông đồng ý với đề nghị của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Do đó căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, xét: Ngày 20 tháng 12 năm 2016 bà Trần Thị H có ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng

tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1635501319, tại Ngân hàng TMCP Vđề vay tiền, với mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng, T từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 30%/năm, mức lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng /01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/7 và hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/4/2017, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng + biên độ 22%/năm. Lãi suất bán vốn là mức, lãi suất bán vốn là mức lãi suất do hội sở chính của bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ. Ngày 20/12/2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vđã phê duyệt cho bà Trần Thị H vay số tiền là 150.000.000 đồng không có tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ gốc và lãi theo tháng. Xét tại thời điểm ký kết hợp đồng bà Trần Thị H có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà H là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của Luật, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay cho bà H, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn, T đến ngày 29/11/2019 bà Trần Thị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 291.700.329 đồng, trong đó nợ gốc là 139.521.276 đồng; lãi 152.179.053 đồng, đại diện Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc bà Trần Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà Trần Thị H không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như nội dung hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Như vậy xác định, bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận như trong hợp đồng, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, từ những phân tích và nhận định trên căn cứ các Điều 91, 92, 94 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, buộc bà Trần Thị H phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ T đến ngày 29/11/2019 là: 291.700.329 đồng, trong đó nợ gốc là 139.521.276 đồng; lãi 152.179.053 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là bà Trần Thị H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 94, 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, buộc bà Trần Thị H phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ T đến ngày 29/11/2019 tổng bằng: 291.700.329 đồng, trong đó nợ gốc là 139.521.276 đồng; lãi 152.179.053 đồng của Hợp đồng Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng LD1635501319, giải ngân ngày 20/12/2016.

Kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 14.586.000đ (Mười bốn triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 5.600.000 đ (Năm triệu sáu trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002728, ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự